TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/DS-ST
Ngày: 10-5-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Văn Hoà
2. Bà Đặng Thị Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Biện Anh Huy là Thư ký viên của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

- Đại diện Việt kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Nhã Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 271/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2024/QĐXXST–DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 208/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc Thu M, sinh năm 1996
Địa chỉ: Khu phố A, phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn:
2.1 **Ông Lê Văn Th**, sinh năm 1965
2.2 **Ông Lê Thanh V**, sinh năm 1986
Cùng địa chỉ: Khu phố B, phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Huy V1, sinh năm 1992, địa chỉ: Khu phố C, phường H, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt Bà M, **Ông V1**; vắng mặt **Ông Th**, **Ông V**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Trần Ngọc Thu M trình bày:***

Ngày 13/9/2022 **Ông Lê Thanh V**, **Ông Lê Văn Th** có vay của vợ chồng bà số tiền 140.000.000 đồng để kinh doanh, thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày công chứng, giữa hai bên có lập hợp đồng vay tiền, số công chứng 05957, quyển số 06/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/9/2022 tại Văn phòng công chứng Đoàn

Thị Mỹ Hằng. Trong hợp đồng vay tiền hai bên thể hiện lãi suất tự thỏa thuận nhưng thực tế các bên thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng, **Ông Th**, **Ông V** đã trả cho bà được số tiền lãi là 25.200.000 đồng, khi trả lãi không có làm giấy biên nhận gì với nhau.

Nay đã hết hạn hợp đồng nên bà yêu cầu **Ông Th**, **Ông V** trả cho vợ chồng bà số tiền gốc là 140.000.000 đồng. Còn đối với tiền lãi yêu cầu **Ông Th**, **Ông V** trả cho vợ chồng bà tính từ ngày 13/9/2022 cho đến ngày xét xử hôm nay là 19 tháng 27 ngày theo lãi suất là 1.66%/tháng với số tiền là 46.247.582 đồng; sau khi trừ đi số tiền 25.200.000 đồng tiền lãi mà **Ông Th**, **Ông V** đã trả; còn lại số tiền là 21.047.582 đồng yêu cầu **Ông Th**, **Ông V** trả cho vợ chồng bà. Đồng thời yêu cầu **Ông Th**, **Ông V** tiếp tục trả tiền lãi theo lãi suất là 1,66%/tháng kể từ sau khi xét xử cho đến khi trả hết nợ vay.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Ông Trần Huy V1** trình bày: Thống nhất với ý kiến của Bà M nêu ở trên, không bổ sung ý kiến gì thêm

** Đối với **Ông Lê Văn Th**, **Ông Lê Thanh V**:* Mặc dù, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ;… nhưng bị đơn vẫn không trình bày cũng như cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Vụ án không hòa giải được do bị đơn không đến tham gia hòa giải.

Sau khi những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn chấp hành chưa tốt các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc **Ông Lê Văn Th**, **Ông Lê Thanh V** trả cho bà Trần Thị Ngọc Minh,**Ông Trần Huy V1** tiền gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 13/9/2022 theo như yêu cầu của Bà M, **Ông V1**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà M yêu cầu **Ông Lê Văn Th**, **Ông Lê Thanh V** trả nợ; **Ông Lê Văn Th**, **Ông Lê Thanh V** có nơi cư trú tại thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: **Ông Lê Văn Th**, **Ông Lê Thanh V** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không

có lý do; Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xử vắng mặt **Ông Th**, **Ông V**.

[3] *Về nội dung yêu cầu khởi kiện:*

[3.1] Xét yêu cầu đối với tiền gốc cho thấy:

Bà M cung cấp Hợp đồng vay tiền, số công chứng 05957, quyển số 06/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/9/2022 tại Văn phòng công chứng Đoàn Thị Mỹ Hằng thể hiện Bà Trần Ngọc Thu M (tức là bên A – bên cho vay) cho **Ông Lê Văn Th**, **Ông Lê Thanh V** (tức là bên B – bên vay) vay số tiền 140.000.000 đồng với thời hạn là 01 năm, tính từ ngày công chứng hợp đồng để kinh doanh theo quy định của pháp luật; Bà M cho **Ông Th**, **Ông V** vay bằng tiền mặt và giao nhận tiền một lần ngay khi hai bên ký hợp đồng vay tiền. Đối với **Ông Th**, **Ông V** sau khi nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án cũng không trình bày ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của Bà M và tài liệu, chứng cứ do Bà M cung cấp; Tòa án cũng đã ra Thông báo số 02/TB-TA ngày 29/11/2023 yêu cầu **Ông Th**, **Ông V** cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc đã trả được toàn bộ hoặc một phần khoản nợ gốc, lãi của Hợp đồng vay tiền nêu trên hoặc tài liệu, chứng cứ khác liên quan đến khoản nợ nhưng vẫn không cung cấp. Cho nên Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ do Bà M cung cấp để xem xét, giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay tiền nêu trên có đầy đủ các điều kiện của một giao dịch dân sự, phù hợp với quy định tại Điều 117, 118, 119 của Bộ luật dân sự nên có giá trị ràng buộc giữa các bên tham gia. Thời hạn của hợp đồng là 01 năm tính từ ngày công chứng hợp đồng, cho nên ngày 13/9/2022 giữa các bên ký hợp đồng nên ngày 13/9/2023 là ngày hết hạn và cho đến nay đã quá hạn hợp đồng nhưng **Ông Th**, **Ông V** vẫn chưa trả tiền cho Bà M nên đã vi phạm cam kết trả nợ mà hai bên đã thỏa thuận. Vì vậy Bà M khởi kiện yêu cầu **Ông Th**, **Ông V** trả số tiền 140.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

[3.2] Xét yêu cầu đối với tiền lãi:

Theo Hợp đồng vay tiền nêu trên cho thấy giữa Bà M và **Ông Th**, **Ông V** có thỏa thuận tiền lãi nhưng mức lãi suất do các bên tự thỏa thuận. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Bà M xác định giữa các bên thỏa thuận tiền lãi là 6%/tháng, **Ông Th**, **Ông V** đã trả được tiền lãi là 25.200.000 đồng. Đối với **Ông Th**, **Ông V** đã được Tòa giao tập đơn khởi kiện (bản photo) của Bà M, trong đơn khởi kiện Bà M có trình bày lãi suất vay thỏa thuận là 6%/tháng nhưng **Ông Th**, **Ông V** không trình bày ý kiến phản đối gì. Đây là tình tiết Bà M đưa ra nhưng **Ông Th**, **Ông V** không phản đối, là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật dân sự, vì vậy chứng tỏ lãi suất các bên thỏa thuận 6%/tháng là có thật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Bà M chỉ yêu cầu **Ông Th**, **Ông V** trả tiền lãi tính từ ngày 13/9/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay là 19 tháng 27 ngày theo lãi suất là 1.66%/tháng, tương ứng số tiền 46.247.582 đồng, sau khi trừ đi số tiền 25.200.000 (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng tiền lãi mà **Ông Th**, **Ông V** đã trả, còn lại là 21.047.582 đồng. Đồng thời yêu cầu **Ông Th**, **Ông V** tiếp tục trả tiền lãi theo lãi suất là 1,66%/tháng kể từ sau khi xét xử cho đến khi trả hết nợ vay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Do giữa Bà M và **Ông Th**, **Ông V** thỏa thuận tiền vay có lãi. Bà M yêu cầu **Ông Th**, **Ông V** trả tiền lãi còn lại là 21.047.582 đồng, sau khi trừ đi số tiền 25.200.000 (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng tiền lãi mà **Ông Th**, **Ông V** đã trả theo lãi suất là 1.66%/tháng tính từ ngày 13/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm và tiền lãi theo lãi suất là 1.66%/tháng tính từ sau ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở, phù hợp với khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự

[4] *Về án phí*: **Ông Lê Văn Th**, **Ông Lê Thanh V** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; 35, 39, 92, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, 118, 119, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Ngọc Thu M về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với **Ông Lê Văn Th**, **Ông Lê Thanh V**.

Buộc **Ông Lê Văn Th**, **Ông Lê Thanh V** trả cho vợ chồng Bà Trần Ngọc Thu M, **Ông Trần Huy V1** tổng số tiền là 161.047.582 *(một trăm sáu mươi mốt triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi hai*) đồng, trong đó: Nợ gốc là 140.000.000 *(một trăm bốn mươi triệu)* đồng; nợ lãi là 21.047.582 *(hai mươi mốt triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi hai*) đồng.

Kể từ 11/5/2024 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: **Ông Lê Văn Th**, **Ông Lê Thanh V** phải chịu 8.052.379 *(tám triệu không trăm năm mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi chín)* đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Trần Thị Ngọc Minh số tiền 5.390.000 *(năm triệu ba trăm chín mươi nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018781 ngày 04/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Trần Ngọc Thu M, **Ông Trần Huy V1** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; **Ông Lê Văn Th**, **Ông Lê Thanh V** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp PT;
- CCTHADS Tp PT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Văn Hoàng